

Bản án số: 77/2025/HS-ST
Ngày 05-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
- Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Phòng xử án A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Đặng Công D, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Định; thường trú: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Số A đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Thế M, sinh năm 1948 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1953; bị cáo 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1990; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, có 01 con ruột, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Lê Tấn N, sinh năm 1992; thường trú: Tổ dân phố C, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Văn B1, sinh năm 1972; thường trú: Số A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Lê T, sinh năm 1970; thường trú: Tổ dân phố số C, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- Người chứng kiến: Ông Đặng Nhật T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đăng Công D cùng ông Lê Tấn N, sinh năm 1992; thường trú: Tổ dân phố C, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và ông Huỳnh Văn B2, sinh năm 1997; thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên làm thuê bốc xếp và cùng sinh sống với nhau tại phòng trọ tại địa chỉ số A đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương từ đầu tháng 3/2024.

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 19/3/2024, Phạm Đăng Công D hỏi ông Lê Tấn N mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh-đen-bạc, biển số 76H1-472.45 của ông N để đi đến quận G, Thành phố Hồ Chí Minh dọn nhà cho khách và hẹn chiều cùng ngày sẽ trả xe thì ông N đồng ý và đưa xe mô tô biển số 76H1-472.45 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho D. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 76H1-472.45 chở Huỳnh Văn B2 đi đến Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để dọn nhà cho khách. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày sau khi dọn nhà cho khách xong, D điều khiển xe mô tô biển số 76H1-472.45 chở B2 về lại phòng trọ, khi về đến nơi D không thấy ông N ở nhà trọ mà thấy có một số công nhân mới xin vào làm đang ngồi ăn uống tại dãy nhà trọ nên D rủ qua phòng trọ của D để ăn uống. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày do hết đồ ăn nên D đi bộ ra quán mua thêm thịt bò nhưng do D đang thiếu nợ tiền nên không mua được nên D đi về lại phòng trọ tiếp tục ăn uống. Đến 20 giờ 20 phút cùng ngày, B2 nhờ D chở đi ra cầu vượt L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để B2 đón xe về quê nên D lấy xe mô tô biển số 76H1-472.45 của ông N chở B2 đi ra cầu vượt L. Trên đường đi D nói với B2 “Con có căn cước không cho chú mượn chú cầm cái xe máy” thì B2 không đồng ý nên D tiếp tục nói với B2 “không có gì đâu, chú cầm rồi sáng mai chú chuộc ra”, nghe D nói vậy nên B2 đồng ý. B2 trả lời “con không có căn cước, chỉ có chứng minh mà thôi” D nói “Có chứng minh cũng được để vào cầm thử coi sao”. Sau đó, D chở B2 đi đến cửa hàng cầm đồ “Thanh Bình II” địa chỉ số B Quốc lộ A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương của ông Phạm Văn B1, sinh năm 1972; thường trú: Số A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, D và B2 cùng đưa xe mô tô biển số 76H1-472.45 vào để cầm cố với số tiền 3.000.000 đồng, D đưa giấy chứng nhận đăng ký xe thì ông B1 yêu cầu phải có Căn cước công dân mới nhận cầm cố nên D nói B2 đưa Chứng minh nhân dân của B2 cho ông B1 xem, do Chứng minh nhân dân của B2 đã cũ nên ông B1 không đồng ý. Lúc này, B2 nói có hình ảnh Căn cước công dân chụp trong điện thoại và đưa hình ảnh ra cho ông B1 xem và nói “con đứng ra cầm có gì con chịu trách nhiệm trước pháp luật” thì ông B1 đồng ý rồi làm hợp đồng cầm đồ, do B2 xuất trình Căn cước công dân nên B2 phải ký tên vào hợp đồng cầm đồ. Sau đó ông B1 yêu cầu B2 cung cấp số tài khoản Ngân hàng của B2 để chuyển 1.000.000 đồng (do D nợ tiền B2), số tiền

còn lại 2.000.000 đồng ông B1 giao cho D. Nhận được tiền B2 tự đi bộ ra cầu vượt Linh X, còn D bỏ trốn không về lại phòng trọ. Đến 10 giờ 00 phút ngày 20/03/2024, D đến cửa hàng cầm đồ “Thanh Bình II” gặp ông B1 xin cầm thêm 200.000 đồng thì ông B1 đưa cho D thêm 200.000 đồng. Đến 21 giờ 00 phút ngày 19/03/2024, ông Lê Tấn N đi làm về đến nhà trọ nhưng không thấy D và chiếc xe mô tô biển số 76H1-472.45 đâu nên ông N liên lạc với D nhưng không được. Đến ngày 24/03/2024 ông N đã đến Công an phường A trình báo sự việc. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 26/3/2024 khi D đang đi lang thang trên đường Q, khu phố B, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị Công an phường A mời về trụ sở làm việc, tại đây D đã đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô Honda màu xanh, đen, bạc biển số 76H1-472.45.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 56/KLĐG-HĐĐGTS ngày 03/04/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D-UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh-đen-bạc, biển số 76H1-472.45 trị giá là 9.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 56/KLĐG-HĐĐGTS ngày 03/04/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D - UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với ông Phạm Văn B1 khi cầm cố xe mô tô biển số 76H1-472.45 không biết đây là xe do Phạm Đặng Công D phạm tội mà có nên không xử lý hình sự. Hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố được quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 12 Nghị định: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của C phí. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định xử phạt hành chính đối với ông B1 số tiền là 5.000.000 đồng.

Đối với Huỳnh Văn B2 trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của B2. Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay B2 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì ở đâu chính quyền địa phương không rõ nên ngày 28/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra quyết định tách hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Phạm Đặng Công D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Đặng Công D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Đặng Công D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô Hon da màu xanh, đen, bạc biển số 76H1-472.45 đứng tên chủ sở hữu ông Lê T, sinh năm 1970; thường trú: Tổ dân phố C, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là cha của ông Lê Tấn N. Qua làm việc ông T cho biết chiếc xe trên mua do ông đứng tên nhưng ông đã cho ông N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra Quyết định trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Tấn N.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Tấn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn B1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại ông Lê Tấn N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn B1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 19/3/2024, tại phòng trọ địa chỉ số A đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Phạm Đăng Công D có hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh-đen-bạc, biển số 76H1-472.45 của ông Lê Tấn N để đi làm, sau đó đưa xe mô tô biển số 76H1-472.45 đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.500.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo sau khi nhận tài sản (xe mô tô) của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị 9.500.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị

cáo Phạm Đăng Công D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi nhận tài sản của bị hại rồi cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô Hon da màu xanh, đen, bạc biển số 76H1-472.45 đứng tên chủ sở hữu ông Lê T, sinh năm 1970; thường trú: Tổ dân phố C, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là cha của ông Lê Tấn N. Qua làm việc ông T cho biết chiếc xe trên mua do ông đứng tên nhưng ông đã cho ông N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra Quyết định trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Tấn N nên không đặt ra xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Tấn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn B1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với ông Phạm Văn B1 khi cầm cố xe mô tô biển số 76H1-472.45 không biết đây là xe do Phạm Đăng Công D phạm tội mà có nên không xử lý hình sự. Hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố được quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 12 Nghị định: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của C phí. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định xử phạt hành chính đối với ông B1 số tiền là 5.000.000 đồng và đối với Huỳnh Văn B2 trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của B2. Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay B2 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì ở đâu chính quyền địa phương không rõ nên ngày 28/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra quyết định tách hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn khung hình phạt, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đăng Công D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đăng Công D 11 (mười một) tháng 07 (bảy) ngày tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2024 đến ngày 05/3/2025 (bị cáo đã chấp hành xong).

1.2 Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Phạm Đăng Công D ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo D không bị tạm giữ, bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đăng Công D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA